ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /2015/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp cấp Giấy phép kinh doanh karaoke trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 72/2009/NĐ-CP ngày 03/9/2009 của Chính phủ quy định điều kiện về ANTT đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng;

Căn cứ Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 54/2006/TT-BVHTT ngày 24/5/2006 của Bộ Văn hóa và Thông tin hướng dẫn quy hoạch nhà hàng karaoke, vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch về "Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch";

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 05/2/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1028/TTr-KH&ĐT ngày 18/12/2014, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tại văn bản số 3540/SVHTTDL-QLVH ngày 27/10/2014 và Sở Tư pháp tại văn bản số 3151/STP-VBPQ ngày 21/11/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp cấp Giấy phép kinh doanh karaoke

1. UBND Thành phố phân cấp cho UBND cấp huyện cấp Giấy phép kinh doanh karaoke cho các tổ chức, doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - FDI) đăng ký hoạt động kinh doanh karaoke, hộ kinh doanh karaoke *(ngoài cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp)* khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh karaoke và hồ sơ theo quy định của pháp luật về kinh doanh karaoke.

2. UBND cấp huyện cấp Giấy phép kinh doanh karaoke theo quy định tại khoản 1 Điều này khi có đủ điều kiện quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 về Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và các quy định pháp luật khác có liên quan hoạt động kinh doanh karaoke.

Điều 2. Nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh karaoke

1. Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh karaoke phải tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.

2. Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh karaoke chỉ được hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke tại địa điểm kinh doanh đã đăng ký, sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện về an ninh - trật tự, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm của các Sở ngành và UBND cấp huyện

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a. Chỉ đạo, hướng dẫn, thống nhất nghiệp vụ cấp Giấy phép kinh doanh karaoke cho UBND cấp huyện;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b. Chủ trì đề xuất các giải pháp để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh karaoke trên địa bàn Thành phố; tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về điều kiện kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh karaoke; Xử lý các hành vi vi phạm của tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh karaoke theo thẩm quyền và thông báo kết quả xử lý vi phạm (nếu có) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an thành phố Hà Nội và UBND các quận, huyện, thị xã nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt địa điểm kinh doanh karaoke.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

a. Phối hợp với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Công an Thành phố; UBND cấp huyện và các cơ quan khác có liên quan trong quá trình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh karaoke;

b. Yêu cầu các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động kinh doanh karaoke nếu không đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh karaoke theo quy định của pháp luật;

c. Tổng hợp kịp thời các nội dung vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này, đề xuất kiến nghị trình UBND Thành phố sửa đổi cho phù hợp.

3. Cơ quan Công an

a. Chủ trì tiếp nhận, kiểm tra điều kiện và cấp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự" cho tổ chức, doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh karaoke; cho hộ kinh doanh đăng ký ngành nghề kinh doanh karaoke theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 72/2009/NĐ-CP ngày 03/9/2009 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh trật tự đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010 của Bộ Công an quy định cụ thể điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và các quy định pháp luật khác có liên quan ngành nghề kinh doanh karaoke.

Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh không đủ điều kiện thì cơ quan Công an có văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

b. Chủ trì kiểm tra định kỳ, hoặc phối hợp với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra liên ngành về việc tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh chấp hành các quy định về an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong hoạt động kinh doanh karaoke;

c. Xử lý các hành vi vi phạm của tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh karaoke theo thẩm quyền và thông báo kết quả xử lý vi phạm (nếu có) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, và UBND các quận, huyện, thị xã nơi tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh đặt địa điểm kinh doanh karaoke.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

4. UBND các quận, huyện, thị xã

a. Chịu trách nhiệm củng cố tổ chức, bộ máy cán bộ công chức, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện việc cấp Giấy phép kinh doanh karaoke theo phân cấp của UBND Thành phố tại quy định này; Xử lý các hành vi vi phạm của tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh karaoke theo thẩm quyền, và thông báo kết quả xử lý vi phạm (nếu có) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Công an thành phố Hà Nội;

b. Rà soát và đề xuất bổ sung, điều chỉnh quy hoạch karaoke trên địa bàn phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội hoặc loại bỏ các vị trí quy hoạch karaoke không phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an thành phố, Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu cơ quan cấp trên ban hành văn bản pháp luật khác quy định này thì thực hiện theo các quy định của cơ quan ban hành; Trường hợp phát sinh những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi quy định này cho phù hợp thực tế tại địa phương thì các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ; (để b/cáo);
- VP Chính phủ;
- Các Bộ: VHTTDL, Tư pháp; (để b/cáo);
- Thường trực Thành ủy; (để b/cáo);
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBNĐ TP;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Như Điều 5;
- VPUBNDTP: CVP, các PCVP, các Phòng CV;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Tin học Công báo TP;
- Cổng Giao tiếp điện tử Hà Nội;
- Lưu: VT,THq.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn